TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẮC TRÀ MY** **TỈNH QUẢNG NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 26/2019/QĐST-HNGĐ	*Bắc Trà My, ngày 20 tháng 6 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 04/2018/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2019, giữa:

- *Nguyên đơn*: Bà Mai Thị T, sinh năm 1968
- *Bị đơn*: Ông Hà Thanh N, sinh năm 1968

Cùng địa chỉ: tổ M, thị trấn T, huyện B, Quảng Nam.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam- Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện B.

Đại diện theo ủy quyền có ông Phan Hồng N, Phó giám đốc Phòng giao dịch.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 12 tháng 6 năm 2019;

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 12 tháng 6 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành mà không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: bà Mai Thị T với ông Hà Thanh N**.**

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: bà Mai Thị T và ông Hà Thanh N thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Có 4 cháu là Hà Mai Thanh T1, sinh năm 1988; Hà Mai Thanh T2, sinh năm 1990; Hà Mai Thanh T3, sinh ngày 24/9/2002 và Hà Mai Thanh Đ, sinh ngày 24/9/2011. Các cháu T1 và T2 đã trưởng thành nên không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung, còn lại T3 và cháu Đ, hai bên thống nhất: Giao cháu T cho ông N và giao cháu Đ cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc đến tuổi trưởng thành. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau nhưng có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở.

- Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa giải quyết.

- Về nợ chung: Các bên thống nhất, ông N có trách nhiệm trả nợ vay Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam- Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Bắc Trà My số tiền 14.500.000 đồng (Mười bốn triệu năm trăm nghìn đồng) và lãi suất theo hợp đồng vay.

- Án phí Hôn nhân và gia đình là 150.000đ(Một trăm năm mươi nghìn đồng y) bà T tự nguyện chịu nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B T M 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0011280 ngày 07/01/2019. Hoàn trả lại bà T số tiền 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

<u>Nơi nhận</u>:
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND huyện Bắc Trà My;
- Cơ quan THADS huyện Bắc Trà My;
- Các đương sự;
- UBND tt Trà My;
- Lu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Ngọc Tam